

**KẾT QUẢ BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI SẮT HẠCH
CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO ĐỢT THÁNG 11/2025**

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUỖ		
1	28212301054	Phạm An	11/24/2004	Đắk Nông	Nam	Kinh	31CYC6	9.3	7.0	Đạt	
2	28208001038	Lê Thị Bảo Ân	10/10/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TYC1	5.3	5.3	Đạt	
3	27207137198	Đỗ Thị Kim Anh	5/18/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC1	6.3	5.5	Đạt	
4	27207138453	Lê Nguyễn Trang Anh	3/6/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC10	4.7	4.0	Không Đạt	
5	27203343434	Lê Thị Kim Anh	11/19/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	30THT13	6.0	5.0	Đạt	
6	27212139444	Nguyễn Hoàng Anh	8/20/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	30TSC2	9.3	5.5	Đạt	
7	28208151401	Nguyễn Thị Minh Anh	5/13/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	31THT11	10.0	8.3	Đạt	
8	29204855550	Nguyễn Trần Văn Anh	4/25/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT4	6.7	3.5	Không Đạt	
9	27211343064	Trần Tuấn Anh	2/6/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	30CSC5	4.7	5.5	Không Đạt	
10	28204600361	Nguyễn Thị Minh Ánh	9/2/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31SHT6	6.7	9.8	Đạt	
11	27207128881	Bùi Thị Tuyết Ba	9/26/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN4	8.7	3.0	Không Đạt	
12	28204601698	Đào Đoàn Nguyên Bảo	2/3/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31CSC6	V	V	Vắng thi	
13	28218101755	Lê Anh Quốc Bảo	6/27/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT6	9.3	9.0	Đạt	
14	28212305852	Nguyễn Gia Bảo	8/5/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC6	8.0	5.0	Đạt	
15	28218003890	Trần Phạm Gia Bảo	7/20/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC6	7.7	3.8	Không Đạt	
16	28213446337	Nguyễn Quốc Chánh	5/14/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC10	5.0	6.5	Đạt	
17	28204603820	Trương Thị Ngọc Châu	10/30/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	30TYC12	3.7	5.0	Không Đạt	
18	28206553132	Lý Thị Xuyên Chi	8/6/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31CSC6	9.3	5.3	Đạt	
19	28207204603	Nguyễn Phương Chi	2/19/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC10	9.0	7.5	Đạt	
20	30218045947	Trần Thị Út Chi	6/11/2006	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SHT6	8.0	1.5	Không Đạt	
21	25212117295	Đỗ Trọng Đại	10/30/2001	Đắk Nông	Nam	Kinh	28TYC2	6.7	5.8	Đạt	
22	28213100970	Hồ Ngọc Đại	5/11/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31TBN10	5.0	5.0	Đạt	
23	29214623028	Nguyễn Đức Duy Đan	11/2/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CSC6	6.7	4.0	Không Đạt	
24	28212302902	Nguyễn Lý Hữu Đang	2/28/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TBN10	6.3	5.0	Đạt	
25	28211104896	Nguyễn Hải Đăng	2/23/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC10	6.7	7.0	Đạt	
26	28218426714	Đỗ Lê Danh	7/15/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN6	0.0	0.0	Không Đạt	NỘ CB (HUY: 5.3; 3.3)
27	29203450296	Nguyễn Thị Thành Danh	7/7/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31CBN4	5.7	3.8	Không Đạt	
28	28212500120	Hồ Quốc Đạt	2/21/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31SYC5	10.0	5.5	Đạt	
29	27211334636	Lê Văn Đạt	8/11/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	30TYC11	5.3	6.8	Đạt	
30	27218629919	Nguyễn Lương Triệu Đạt	1/31/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	30TYC11	4.3	5.0	Không Đạt	
31	27213738601	Nguyễn Mai Thành Đạt	7/9/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC10	V	V	Vắng thi	
32	27211323969	Nguyễn Văn Tiến Đạt	2/5/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	30CBN11	7.3	6.0	Đạt	
33	30206327396	Đinh Văn Lê Thị Diễm	5/25/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC6	9.3	7.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
34	29204621540	Võ Thị Diễm	7/18/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC10	9.7	7.5	Đạt	
35	28204302178	Nguyễn Thị Hồng Diễm	1/9/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SSC5	9.0	8.3	Đạt	
36	28206934766	Lê Nguyễn Thị Hiền Diệu	3/11/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT11	6.3	5.0	Đạt	
37	28204350106	Lê Thị Huyền Diệu	1/31/2004	Kiên Giang	Nữ	Kinh	31THT11	8.3	8.8	Đạt	
38	28206248976	Nguyễn Thùy Diệu	3/15/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC5	9.0	9.0	Đạt	
39	27215252645	Lê Trung Định	9/6/2003	Bình Định	Nam	Kinh	31SYC5	9.0	8.3	Đạt	
40	27211321595	Đặng Duy Đức	4/26/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TYC6	7.0	5.3	Đạt	
41	27218240117	Phạm Đức	12/29/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT9	7.7	4.0	Không Đạt	
42	27211301178	Phan Ngọc Đức	3/26/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31THT11	10.0	7.8	Đạt	
43	27211301586	Trần Văn Đức	2/16/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	30TBN16	6.0	3.5	Không Đạt	
44	28206203442	Nguyễn Ái Thùy Dung	3/6/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SBN6	7.3	6.3	Đạt	
45	28204604095	Nguyễn Thị Thùy Dung	10/2/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CYC6	5.7	5.0	Đạt	
46	25215210013	Doãn Ngọc Dương	3/13/2001	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC10	6.7	6.8	Đạt	
47	27213728635	Trần Quý Dương	3/29/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	30CHT9	6.3	3.6	Không Đạt	
48	27205252643	Võ Thị Dương	10/18/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN6	6.7	5.3	Đạt	
49	28218125221	Trần Lê Khánh Duy	8/9/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN10	7.7	5.0	Đạt	
50	28212501034	Trịnh Đình Duy	3/5/2004	Đắk Nông	Nam	Kinh	31SYC5	7.7	8.8	Đạt	
51	27202741574	Hoàng Lê Mỹ Duyên	11/13/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	30CBN4	9.0	5.0	Đạt	
52	30206554115	Hoàng Thị Mỹ Duyên	1/18/2006	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC9	7.0	5.5	Đạt	
53	28208002019	Huỳnh Đặng Kỳ Duyên	10/8/2003	Hậu Giang	Nữ	Kinh	31TYC9	7.3	7.5	Đạt	
54	27212101491	Lê Nguyên Bảo Duyên	8/31/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC7	6.0	6.0	Đạt	
55	28206900642	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	1/16/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TYC9	8.3	8.5	Đạt	
56	28208306062	Phạm Mỹ Duyên	12/10/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN11	8.3	7.5	Đạt	
57	28207149493	Phạm Thị Mỹ Duyên	4/13/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT7	5.0	2.9	Không Đạt	
58	28202737268	Trần Nguyễn Thảo Duyên	1/14/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT11	8.3	6.5	Đạt	
59	28206202760	Trần Thị Mỹ Duyên	6/8/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CYC3	6.7	5.0	Đạt	
60	29204950766	Trương Thị Lan Duyên	9/9/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT8	9.0	2.3	Không Đạt	
61	28207105789	Đinh Thị Hương Giang	6/5/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC2	6.0	3.8	Không Đạt	
62	28207254282	Nguyễn Hương Giang	4/16/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31CSC6	7.0	5.0	Đạt	
63	28208453230	Nguyễn Thị Trạch Giang	8/20/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN11	9.7	9.5	Đạt	
64	28218005182	Phạm Trường Giang	12/29/2004	Thái Bình	Nam	Kinh	31TBN11	5.7	2.8	Không Đạt	
65	28208103828	Trần Quỳnh Giang	7/20/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CSC6	8.3	3.8	Không Đạt	
66	28212324396	Võ Bình Giang	8/13/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CBN6	8.3	6.3	Đạt	
67	29206541251	Võ Phan Trà Giang	10/18/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TBN7	9.7	5.5	Đạt	
68	26202137506	Trần Hoàng Quỳnh Giao	1/18/2002	Gia Lai	Nữ	Kinh	30CHT6	V	V	Vắng thi	
69	28206751174	Bùi Thanh Hà	8/16/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31THT9	6.3	5.0	Đạt	
70	26205333752	Cao Văn Hà	11/19/2002	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TYC9	8.0	4.0	Không Đạt	
71	29204640015	Đỗ Thị Hồng Hà	9/30/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CSC4	6.3	6.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
72	27202443530	Mang Thị Ngọc Hà	1/2/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SHT6	5.3	4.3	Không Đạt	
73	27205239621	Nguyễn Thị Ngọc Hà	8/28/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31CBN6	9.0	9.5	Đạt	
74	28207102445	Nguyễn Thị Ngọc Hà	8/29/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC8	7.0	5.0	Đạt	
75	28206549501	Nguyễn Thị Thu Hà	5/2/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC9	3.7	0.8	Không Đạt	
76	28208000880	Nguyễn Thị Việt Hà	1/5/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN11	7.0	5.9	Đạt	
77	28209305849	Võ Thị Thu Hà	7/14/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT3	6.0	3.0	Không Đạt	
78	28202706073	Hoàng Bích Hải	3/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT11	7.3	3.0	Không Đạt	
79	27211536881	Lê Tấn Hải	5/14/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TBN6	9.3	5.0	Đạt	
80	27211341368	Nguyễn Lương Hải	10/23/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CYC5	6.0	1.3	Không Đạt	
81	27211300541	Trần Đình Hải	11/4/2003	Phú Yên	Nam	Kinh	31TYC7	V	V	Vắng thi	
82	28212300212	Trần Văn Hải	4/30/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN9	5.0	5.3	Đạt	
83	28208003815	Đinh Ngọc Gia Hân	11/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN10	5.0	6.0	Đạt	
84	28208039257	Phan Thị Hằng	11/13/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN10	8.3	6.0	Đạt	
85	28204605739	Trần Thu Hằng	1/3/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31CYC6	V	V	Vắng thi	
86	28208105595	Đỗ Thị Hạnh	2/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC5	8.0	5.5	Đạt	
87	28208041965	Đoàn Thị Bích Hạnh	10/13/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC10	7.7	5.5	Đạt	
88	28204631933	Lê Bách Thy Hào	9/16/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN6	7.0	6.3	Đạt	
89	28212305695	Lê Nguyễn Hậu	12/26/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31CYC6	9.7	9.3	Đạt	
90	28212306616	Nguyễn Văn Hậu	3/15/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31TBN11	4.7	5.0	Không Đạt	
91	28217749263	Nguyễn Văn Hậu	1/2/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SYC5	5.3	3.9	Không Đạt	
92	28212347202	Phạm Văn Hậu	8/8/2004	Đắk Nông	Nam	Kinh	31SYC5	V	V	Vắng thi	
93	27204244089	Huỳnh Thị Thu Hiền	6/28/2003	An Giang	Nữ	Kinh	31TYC9	9.7	9.5	Đạt	
94	28208036232	Lê Song Diệu Hiền	10/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN10	9.3	6.0	Đạt	
95	28204605162	Nguyễn Thị Diệu Hiền	2/1/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT6	10.0	8.5	Đạt	
96	29206739155	Phạm Thị Thu Hiền	3/16/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC7	8.7	1.8	Không Đạt	
97	28206534971	Trần Thu Hiền	6/28/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CSC6	5.7	4.3	Không Đạt	
98	28214640694	Ngô Thế Hiền	12/10/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	30CBN12	5.7	3.8	Không Đạt	
99	26217142328	Hoàng Minh Hiếu	6/27/2002	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TBN11	5.7	3.3	Không Đạt	
100	27212129480	Lâm Xuân Hiếu	9/12/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC6	6.0	5.0	Đạt	
101	28214620671	Lê Trung Hiếu	9/10/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CBN6	7.0	8.0	Đạt	
102	27211734039	Lê Trung Hiếu	7/2/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31CYC5	4.7	5.0	Không Đạt	
103	26215342255	Ngô Văn Hiếu	4/14/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT9	7.7	6.5	Đạt	
104	28208052295	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	11/6/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31SSC5	7.7	7.5	Đạt	
105	29214956914	Trần Ngọc Hiếu	10/4/2005	Kon Tum	Nam	Kinh	31CHT6	4.0	6.0	Không Đạt	
106	27211321762	Trần Văn Hiếu	10/30/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC10	4.3	3.5	Không Đạt	
107	28204303386	Trịnh Thị Ngọc Hiếu	4/30/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN6	8.0	7.5	Đạt	
108	28204401029	Võ Thị Hiếu	9/7/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TYC9	8.0	4.0	Không Đạt	
109	25211604950	Hàn Sỹ Hình	12/10/2001	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN6	4.0	6.5	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
110	28211334779	Nguyễn Thái Hòa	4/23/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TBN11	7.0	4.0	Không Đạt	
111	29207340144	Nguyễn Hải Hoài	8/2/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SBN4	8.3	6.8	Đạt	
112	28212745420	Cao Lê Hoàn	7/11/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC6	5.0	5.0	Đạt	
113	26215342060	Lê Trần Minh Hoàng	3/10/2002	Kon Tum	Nam	Kinh	31TYC9	8.7	9.0	Đạt	
114	28219346536	Nguyễn Hữu Hoàng	2/11/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SSC5	7.0	5.5	Đạt	
115	27215201979	Nguyễn Huy Hoàng	10/11/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	31THT10	5.7	5.8	Đạt	
116	28212637493	Nguyễn Khánh Hoàng	6/24/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC10	9.0	7.0	Đạt	
117	27217539597	Nguyễn Phan Việt Hoàng	10/6/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31THT11	6.7	8.0	Đạt	
118	28207701774	Trần Nguyễn Khánh Hoàng	9/13/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SYC5	8.7	5.0	Đạt	
119	27202120256	Võ Thiện Hoàng	2/10/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	30TYC2	6.7	4.0	Không Đạt	
120	28214300890	Huỳnh Thị Kiều Hoanh	11/15/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC10	5.7	3.3	Không Đạt	
121	27215252664	Nguyễn Đình Hồng	7/22/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SYC5	8.7	8.3	Đạt	
122	27207100174	Nguyễn Thị Kim Hồng	8/1/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30CBN3	2.3	4.3	Không Đạt	
123	28208400888	Hoàng Thị Huệ	1/10/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31CHT6	0.0	0.0	Không Đạt	NỘ CB (HUY: 5.7; 5.0)
124	28218004624	Lưu Đức Huệ	9/19/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31TSC10	4.0	4.0	Không Đạt	
125	27217240771	Nguyễn Bá Hùng	2/9/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	31TBN3	8.0	5.0	Đạt	
126	26215300581	Hoàng Phước Hưng	1/22/2002	Huế	Nam	Kinh	31CYC6	7.7	5.0	Đạt	
127	28210202768	Nguyễn Quốc Hưng	2/13/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN6	7.3	5.5	Đạt	
128	28212300849	Phan Văn Hưng	11/2/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31SHT6	10.0	9.8	Đạt	
129	28208105291	Lê Thị Mỹ Hương	1/16/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SSC5	8.3	6.5	Đạt	
130	28206500215	Nguyễn Thị Thanh Hương	12/20/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CHT3	8.7	5.3	Đạt	
131	28209500591	Nguyễn Thị Xuân Hương	5/2/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT5	5.3	6.0	Đạt	
132	28205124353	Trần Thị Lê Hương	5/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT11	3.3	5.0	Không Đạt	
133	28218453232	Hồ Minh Huy	1/26/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC10	V	V	Vắng thi	
134	28218138239	Huỳnh Nhật Huy	5/13/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN11	5.3	8.3	Đạt	
135	28216604045	Lê Trọng Huy	11/20/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TYC1	3.0	3.5	Không Đạt	
136	27215239394	Nguyễn Quang Huy	6/27/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	31CBN6	10.0	9.0	Đạt	
137	27212435584	Phan Minh Huy	4/29/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SYC5	8.7	5.0	Đạt	
138	28212504308	Phù Thanh Huy	6/4/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC10	9.7	5.0	Đạt	
139	28218344375	Trần Quang Huy	9/1/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC10	6.3	1.0	Không Đạt	
140	30206553886	Bùi Thị Lệ Huyền	4/30/2006	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT11	7.3	2.3	Không Đạt	
141	28206704844	Lê Thị Ngọc Huyền	3/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN11	8.3	5.5	Đạt	
142	26205339282	Lê Thị Thanh Huyền	7/14/2001	Bình Phước	Nữ	Kinh	31TYC10	9.7	9.5	Đạt	
143	28206504793	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	10/26/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC1	4.3	4.3	Không Đạt	
144	27202242179	Nguyễn Thị Thu Huyền	8/1/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CBN6	10.0	10.0	Đạt	
145	28206500237	Nguyễn Thị Thúy Huyền	12/4/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN11	9.3	6.8	Đạt	
146	29205241164	Phan Mạnh Kim Huyền	11/18/2005	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TYC10	6.3	4.3	Không Đạt	
147	29204363096	Thiều Ngọc Huyền	8/26/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN6	9.0	5.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
148	28206200201	Trần Khánh Huyền	5/17/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT6	6.3	5.0	Đạt	
149	27205139284	Trần Thị Huyền	3/10/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30TYC4	5.7	5.0	Đạt	
150	28206254850	Trần Thị Khánh Huyền	8/7/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	30TSC13	8.0	2.5	Không Đạt	
151	28208027850	Trần Thị Khánh Huyền	12/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC9	8.3	3.4	Không Đạt	
152	28204502696	Võ Thị Lệ Huyền	10/11/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN10	0.0	0.0	Không Đạt	NỢ CB (HUY: 6.7; 1.5)
153	28208053169	H Bui Kbuôr	3/24/2004	Đắk Lắk	Nữ	Êđê	31SSC5	9.3	5.8	Đạt	
154	27211502026	Nguyễn Triết Khang	11/22/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT9	9.3	5.8	Đạt	
155	27207124663	Nguyễn Vương Thục Khanh	12/27/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC10	9.7	10.0	Đạt	
156	28212306030	Đàm Hoàng Nguyên Khánh	9/20/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT11	6.7	5.5	Đạt	
157	26212129984	Lê Đại Khánh	2/23/2002	Gia Lai	Nam	Kinh	31CYC6	7.3	5.6	Đạt	
158	28214603971	Ngô Phạm Quốc Khánh	9/2/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SSC5	3.0	2.6	Không Đạt	
159	28205001897	Phạm Việt An Khánh	3/11/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN9	6.7	5.0	Đạt	
160	27217201149	Trần Bảo Khánh	8/23/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	30CBN12	5.3	3.3	Không Đạt	
161	27211344135	Võ Hữu Khánh	6/12/2002	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC3	3.7	5.5	Không Đạt	
162	28212727754	Lê Trung Kiên	8/17/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CBN6	7.0	9.0	Đạt	
163	28213403378	Trần Đức Kiên	6/10/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TSC10	5.7	5.5	Đạt	
164	27213241242	Lê Gia Kiệt	12/25/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	30THT6	5.0	5.0	Đạt	
165	28218006296	Lê Trí Kiệt	3/20/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31TSC10	7.7	5.8	Đạt	
166	27212137517	Võ Tuấn Kiệt	8/18/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	30TBN2	7.3	5.0	Đạt	
167	28208002969	Lê Thị Thúy Kiều	8/26/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC9	9.7	7.0	Đạt	
168	28208151714	Nguyễn Thị Thúy Kiều	5/14/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC6	3.3	1.8	Không Đạt	
169	25202202956	Huỳnh Thị Đình Kính	5/6/1998	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TBN11	8.7	2.8	Không Đạt	
170	28214300904	Trương Hiếu Kỳ	8/27/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC7	5.3	5.0	Đạt	
171	28210254116	Trần Ngọc Lại	3/3/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CHT6	7.3	7.0	Đạt	
172	27215200062	Nguyễn Ngọc Lâm	5/16/2003	Bình Định	Nam	Kinh	31CBN6	10.0	8.5	Đạt	
173	27215252673	Phạm Phúc Lâm	11/8/2003	Bình Định	Nam	Kinh	31TYC9	5.3	4.0	Không Đạt	
174	28212754726	Thần Vĩnh Hoàng Lâm	3/6/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT11	V	V	Vắng thi	
175	28208004382	Đỗ Ngọc Thanh Lan	7/13/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN11	9.0	8.8	Đạt	
176	29206565322	Lê Thị Lan	1/6/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TBN8	7.3	5.0	Đạt	
177	28218001585	Vũ Tài Lân	1/4/2004	Kon Tum	Nam	Kinh	31TSC10	4.0	3.5	Không Đạt	
178	28213320509	Lê Như Lập	1/1/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT6	6.7	7.5	Đạt	
179	28208000844	Võ Thị Mỹ Lệ	2/24/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TSC9	7.7	7.0	Đạt	
180	28218100450	Đặng Văn Lịch	11/17/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC6	8.7	5.8	Đạt	
181	28204902500	Đỗ Thị Kiều Linh	8/12/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN11	9.0	8.5	Đạt	
182	29209535871	Lê Thị Mỹ Linh	11/23/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SHT6	5.7	7.3	Đạt	
183	28200422345	Lê Thị Thùy Linh	9/20/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31SSC5	7.0	5.3	Đạt	
184	26205435703	Lưu Tú Linh	1/8/2002	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31TSC8	7.3	6.8	Đạt	
185	29204950854	Nguyễn Đặng Thùy Linh	8/7/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CHT6	9.0	6.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THU'D		
186	28205136254	Nguyễn Hà Khánh Linh	4/15/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC9	3.3	5.0	Không Đạt	
187	28206502144	Nguyễn Thị Khánh Linh	8/1/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CYC6	7.0	3.3	Không Đạt	
188	28208001005	Nguyễn Thị Mỹ Linh	1/28/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CSC6	9.7	9.5	Đạt	
189	27202244270	Nguyễn Thị Mỹ Linh	3/3/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC7	6.0	3.3	Không Đạt	
190	29204950388	Nguyễn Thị Thùy Linh	8/7/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SHT6	6.3	7.8	Đạt	
191	27205200520	Phan Thị Ánh Linh	5/29/2003	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31CBN6	9.7	9.5	Đạt	
192	26205227522	Tổng Khánh Linh	3/26/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC6	7.3	8.8	Đạt	
193	28213454072	Trần Tấn Linh	7/2/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TSC10	6.7	3.9	Không Đạt	
194	28206204952	Trần Thùy Linh	10/19/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN10	8.7	4.0	Không Đạt	
195	29206323653	Trương Thị Thùy Linh	12/12/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SSC5	4.3	2.9	Không Đạt	
196	28208150083	Văn Thị Phương Linh	8/22/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31THT11	6.3	5.0	Đạt	
197	28208004162	Võ Thị Ngọc Linh	8/15/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC6	8.3	5.0	Đạt	
198	29204655123	Lê Nguyễn Hồng Loan	11/2/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC10	8.3	7.3	Đạt	
199	28204646622	Phạm Thị Mai Loan	8/30/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC4	7.3	3.5	Không Đạt	
200	27205228686	Vương Thị Mỹ Loan	5/18/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31CBN6	9.0	10.0	Đạt	
201	28218045425	Mai Hoàng Lộc	3/31/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC10	7.0	4.1	Không Đạt	
202	28214332370	Văn Bá Bảo Lộc	1/16/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC9	5.7	5.0	Đạt	
203	28212404180	Hồ Nguyễn Tiến Lợi	6/25/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TSC10	5.7	4.3	Không Đạt	
204	28212703499	Nguyễn Thành Lợi	9/28/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31THT11	V	V	Vắng thi	
205	28212306398	Trần Đức Long	12/16/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TSC9	4.3	5.0	Không Đạt	
206	29214327395	Hồ Chánh Luật	5/14/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC10	10.0	7.5	Đạt	
207	28212338478	Lê Tự Lực	12/11/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC9	7.0	7.0	Đạt	
208	28206501472	Trần Thị Hiền Lương	11/24/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31THT9	5.7	5.3	Đạt	
209	27202140103	Bùi Thị Kim Ly	11/13/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30TBN2	3.3	5.0	Không Đạt	
210	28204902943	Cao Thị Ly	6/9/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC10	9.3	8.3	Đạt	
211	28216204311	Đặng Thị Thảo Ly	2/8/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN10	9.0	5.8	Đạt	
212	28206503178	Lê Khánh Ly	9/2/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN11	8.0	5.8	Đạt	
213	29204654545	Lưu Khánh Ly	1/20/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31CSC4	5.3	4.0	Không Đạt	
214	26207131828	Nguyễn Thị Ly	3/12/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	29CBN4	3.7	3.8	Không Đạt	
215	28208001507	Nguyễn Thị Cẩm Ly	2/26/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SBN6	V	V	Vắng thi	
216	27203841617	Nguyễn Thị Trúc Ly	8/1/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	30CYC7	-	V	Vắng thi	
217	27203145656	Phan Thị Khánh Ly	2/4/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	30CHT4	5.0	4.0	Không Đạt	
218	29204957291	Trần Thị Ái Ly	8/19/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT6	9.0	5.0	Đạt	
219	28206227190	Mai Thị Kim Lý	1/26/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT7	6.0	5.0	Đạt	
220	28206701752	Đinh Thị Xuân Mai	7/26/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SYC5	8.7	5.5	Đạt	
221	27203926355	Hoàng Quỳnh Mai	7/20/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TBN5	5.7	6.3	Đạt	
222	28208004374	Trần Thị Tuyết Mai	1/10/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN10	7.7	7.3	Đạt	
223	26205339303	Trần Tuyết Mai	9/5/2001	Bình Phước	Nữ	Kinh	31TYC9	8.0	7.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
224	27211342753	Hồ Văn Minh	9/11/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT10	9.0	7.0	Đạt	
225	27202231345	Hoàng Thị Ngọc Minh	6/4/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CHT6	6.7	6.0	Đạt	
226	28214504035	Lê Đắc Bảo Minh	12/14/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TYC10	6.0	6.5	Đạt	
227	28218005110	Bùi Văn Sơn Miô	7/26/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TYC10	V	V	Vắng thi	
228	28208300036	Võ Thị Mơ	4/4/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT11	8.3	7.5	Đạt	
229	28212303952	Hồ Mừng	8/8/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SYC5	5.3	8.0	Đạt	
230	28208151176	Hồ Thị Thảo My	9/17/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC6	6.3	6.0	Đạt	
231	28206254569	Lê Thị Trà My	3/23/2002	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC10	8.0	5.5	Đạt	
232	27212201381	Lê Vũ Hằng My	2/22/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT2	7.3	1.8	Không Đạt	
233	29206661637	Nguyễn Diễm My	7/2/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SSC5	5.7	5.5	Đạt	
234	27215202879	Nguyễn Kiều My	3/18/2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	31TYC9	5.3	5.3	Đạt	
235	28206551125	Nguyễn Thị Ngọc My	2/5/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC6	10.0	5.8	Đạt	
236	27202101025	Nguyễn Thị Thu My	2/3/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30SBN3	9.3	5.3	Đạt	
237	29204659507	Nguyễn Thị Xuân My	10/7/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT10	8.7	4.0	Không Đạt	
238	28208136280	Nguyễn Thị Y Na	4/27/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN6	9.7	5.8	Đạt	
239	28208004207	Phạm Huyền Na	10/26/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC9	9.7	9.0	Đạt	
240	27211300981	Đoàn Mạnh Nam	8/26/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT10	7.0	5.0	Đạt	
241	27207236197	Lê Thị Nhật Nam	11/3/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	30CSC5	6.3	5.0	Đạt	
242	28212705391	Trần Hoài Nam	4/30/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31CBN6	4.0	5.0	Không Đạt	
243	28217702814	Vũ Hoài Nam	2/8/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31SYC5	8.7	8.0	Đạt	
244	27203327588	Nguyễn Thị Bích Nga	4/2/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CHT2	6.0	5.0	Đạt	
245	28204602381	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	1/22/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30TBN12	4.3	7.0	Không Đạt	
246	27207125343	Nguyễn Thị Tuyết Nga	10/8/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30TSC7	-	V	Vắng thi	
247	28208002271	Phan Thiên Nga	6/15/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC10	V	V	Vắng thi	
248	28208020589	Võ Thị Bích Nga	2/5/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TSC9	8.7	5.0	Đạt	
249	28204400089	Bùi Thị Thảo Ngân	4/28/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC9	9.7	8.0	Đạt	
250	28204953969	Huỳnh Phúc Ngân	1/13/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	29CBN6	4.0	4.1	Không Đạt	
251	30206525618	Huỳnh Thị Tuyết Ngân	5/20/2006	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT6	5.7	5.5	Đạt	
252	28208047929	Mai Thị Thảo Ngân	10/14/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN10	9.3	8.0	Đạt	
253	27211201896	Ngô Tấn Ngân	6/1/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC9	7.7	3.5	Không Đạt	
254	28206504158	Nguyễn Thị Thanh Ngân	12/25/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC5	8.7	5.3	Đạt	
255	28208102787	Trần Thị Tuyết Ngân	5/10/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN6	9.3	9.3	Đạt	
256	28218242693	Đặng Lê Trọng Nghĩa	4/15/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC9	6.0	6.8	Đạt	
257	27215142855	Nguyễn Hữu Nghĩa	6/11/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TBN9	5.7	5.5	Đạt	
258	26215342454	Phạm Đình Hữu Nghĩa	10/31/2002	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31TYC9	8.7	8.5	Đạt	
259	27203124894	Bùi Thị Ánh Ngọc	9/7/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC2	9.3	5.5	Đạt	
260	26204732390	Bùi Thị Bích Ngọc	12/3/1997	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC5	9.7	5.0	Đạt	
261	29204622350	Lê Thị Ánh Ngọc	11/3/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT6	9.3	8.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
262	28204602906	Nguyễn Lê Diễm Ngọc	1/8/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN2	8.3	5.0	Đạt	
263	27203843420	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	7/15/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30CYC7	6.3	7.8	Đạt	
264	28208004373	Nguyễn Thị Bích Ngọc	8/30/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC5	9.0	7.0	Đạt	
265	28207704612	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	11/13/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC5	9.7	8.0	Đạt	
266	29204859847	Nguyễn Thị Như Ngọc	3/4/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TBN11	8.0	5.8	Đạt	
267	29204322013	Nguyễn Xuân Bảo Ngọc	9/28/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31SBN6	6.7	5.8	Đạt	
268	28204653373	Phan Bích Ngọc	9/2/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TYC9	8.0	5.5	Đạt	
269	28204605843	Trần Thị Mỹ Ngọc	10/6/2004	Huế	Nữ	Kinh	31CYC6	8.7	2.5	Không Đạt	
270	28208443312	Trương Thị Bảo Ngọc	2/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT6	9.0	7.0	Đạt	
271	28214339644	Đỗ Nhật Nguyên	3/15/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT6	6.3	8.0	Đạt	
272	28206254209	Hồ Hoàng Khánh Nguyên	10/12/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT6	8.7	5.0	Đạt	
273	28204653374	Huỳnh Thị Bích Nguyên	7/7/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31SHT6	7.7	5.3	Đạt	
274	28204354629	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	9/6/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SSC5	9.7	7.5	Đạt	
275	29209521622	Trần Thị Thanh Nhân	7/17/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT11	10.0	7.5	Đạt	
276	25217104193	Trần Kim Nhân	10/10/2001	Đà Nẵng	Nam	Kinh	30CYC2	2.0	6.0	Không Đạt	
277	27202243943	Nguyễn Thị Băng Nhận	10/23/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC5	5.0	5.0	Đạt	
278	30206521840	Phan Thị Băng Nhận	4/10/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT11	V	V	Vắng thi	
279	29214655000	Cao Văn Nhật	8/22/2005	Gia Lai	Nam	Kinh	31CSC6	9.7	5.5	Đạt	
280	27218227933	Mai Văn Nhật	1/16/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN4	9.0	6.5	Đạt	
281	28212305952	Phan Quốc Nhật	8/26/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31SBN6	7.3	8.3	Đạt	
282	28208148475	Bùi Thanh Nhi	9/29/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC9	8.0	7.5	Đạt	
283	26205100639	Bùi Thị Yến Nhi	7/9/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30TBN1	7.0	3.8	Không Đạt	
284	27202220765	Cái Yến Nhi	2/16/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30THT17	8.0	6.5	Đạt	
285	28202738950	Dương Ngọc Bảo Nhi	8/5/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT11	8.3	5.0	Đạt	
286	27214153688	Dương Tâm Nhi	12/17/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TBN11	7.3	5.5	Đạt	
287	28206238575	Hồ Thị Yến Nhi	6/26/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT9	6.7	2.4	Không Đạt	
288	30206553761	Lê Thị Uyển Nhi	10/15/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT6	6.0	4.3	Không Đạt	
289	28202701172	Lê Thị Yến Nhi	6/24/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TBN10	7.3	6.0	Đạt	
290	28208204435	Lê Yên Nhi	9/16/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC9	9.3	6.5	Đạt	
291	28206501288	Ngô Võ Ngọc Nhi	5/29/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN1	6.3	5.0	Đạt	
292	28204853942	Nguyễn Thị Yến Nhi	2/6/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN8	8.3	5.8	Đạt	
293	29206544657	Nguyễn Thị Yến Nhi	9/7/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC9	8.0	3.5	Không Đạt	
294	28208006701	Phan Thị Bích Nhi	4/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN6	V	V	Vắng thi	
295	27202228672	Phan Thị Ngọc Nhi	7/19/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	30CHT7	9.0	5.5	Đạt	
296	28206602977	Trần Thị Nhi	6/18/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN11	6.3	5.8	Đạt	
297	28204601467	Trịnh Thị Yến Nhi	3/14/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN11	9.0	8.8	Đạt	
298	28208037364	Trương Thị Hoàng Nhi	8/16/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC9	8.7	4.0	Không Đạt	
299	28206500258	Đặng Yến Như	9/1/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CYC5	9.0	5.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
300	29208058057	Lê Thị Yến Như	8/8/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT11	8.0	5.0	Đạt	
301	28207202579	Nguyễn Thị Quỳnh Như	5/10/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN6	9.7	7.3	Đạt	
302	27205140354	Trần Nữ Quỳnh Như	6/7/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TYC7	6.0	5.3	Đạt	
303	28208106106	Trần Thị Ý Như	10/28/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC6	6.0	4.0	Không Đạt	
304	28208126220	Uông Thị Quỳnh Như	10/13/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC5	7.3	6.0	Đạt	
305	28207152926	Võ Quỳnh Như	8/15/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TYC5	5.0	6.0	Đạt	
306	27207538566	Đặng Thị Nhung	3/23/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30CSC6	8.3	5.3	Đạt	
307	28204706379	Đỗ Hoàng Nhung	4/28/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT5	5.7	5.5	Đạt	
308	28207505944	Huỳnh Thị Phương Nhung	5/1/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC5	6.7	5.8	Đạt	
309	27212201111	Lê Phương Hồng Nhung	9/28/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31TBN2	7.3	5.5	Đạt	
310	28204337515	Lê Thị Hồng Nhung	11/17/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC9	9.3	5.5	Đạt	
311	28202704925	Nguyễn Thị Nhung	10/20/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31CBN6	4.3	5.5	Không Đạt	
312	28208001590	Nguyễn Thị Thùy Nhung	11/8/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC9	9.0	5.3	Đạt	
313	28206502432	Đặng Thị Thu Nữ	8/20/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC9	6.0	3.5	Không Đạt	
314	28208053568	Huỳnh Tuyết Nữ	3/14/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31SBN6	3.3	1.3	Không Đạt	
315	28204548622	La Thị Thu Oanh	2/27/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	30TSC12	1.7	1.0	Không Đạt	
316	27207101004	Trần Quỳnh Oanh	4/13/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT6	7.7	5.0	Đạt	
317	27212253748	Trương Mai Oanh	10/22/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC10	5.3	3.5	Không Đạt	
318	28208147568	Lê Thị Hồng Phấn	11/15/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31THT11	6.0	5.0	Đạt	
319	28211337136	Nguyễn Tấn Phát	6/29/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31TBN10	8.0	10.0	Đạt	
320	28213243451	Trần Hữu Thanh Phong	2/3/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC9	5.0	5.5	Đạt	
321	28212740003	Hồ Duy Phú	6/24/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC9	8.7	6.5	Đạt	
322	27211303112	Nguyễn Thành Phú	1/9/2003	Bình Định	Nam	Kinh	31TSC3	5.7	6.5	Đạt	
323	28212742360	Trương Trọng Phú	2/27/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TBN10	4.7	2.0	Không Đạt	
324	28218104213	Huỳnh Văn Phúc	9/19/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC10	7.7	6.8	Đạt	
325	28204302369	Lâm Như Phúc	6/15/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31THT8	8.3	5.0	Đạt	
326	27211328037	Nguyễn Bá Phúc	12/1/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC10	5.0	5.3	Đạt	
327	28218251544	Phan Nguyễn Hoàng Phúc	7/14/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC9	9.0	6.5	Đạt	
328	28218102264	Trần Trọng Phúc	5/14/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TBN10	3.3	5.5	Không Đạt	
329	28214652661	Trương Công Phúc	2/16/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT3	7.0	5.5	Đạt	
330	27217133852	Nguyễn Lê Kim Phụng	5/31/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT6	9.3	5.0	Đạt	
331	28214302845	Lê Hữu Phước	10/2/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TYC1	6.3	3.6	Không Đạt	
332	28204454163	Đàm Mai Phương	8/13/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SHT6	7.0	5.3	Đạt	
333	27212603091	Đinh Thục Phương	9/12/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CYC3	8.3	5.8	Đạt	
334	26215339322	Dương Xuân Phương	1/16/2001	Bình Định	Nam	Kinh	31CYC6	9.3	5.5	Đạt	
335	28207253702	Huỳnh Phạm Mai Phương	1/25/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN6	9.0	9.3	Đạt	
336	28207106149	Nguyễn Thị Phương	11/14/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC5	9.0	5.0	Đạt	
337	28208005423	Nguyễn Thị Loan Phương	3/19/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SSC5	8.0	5.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
								KTC	THU'Đ			
338	27203321677	Phạm Phương	Phương	6/5/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30CYC5	6.7	3.5	Không Đạt	
339	27206628703	Vũ Thị Minh	Phương	6/12/2003	Nam Định	Nữ	Kinh	31THT3	6.7	2.3	Không Đạt	
340	28208141275	Bùi Lê Thảo	Phượng	5/5/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN11	8.7	3.0	Không Đạt	
341	29204953428	Lê Thị Thúy	Phượng	11/2/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC10	9.0	10.0	Đạt	
342	28207228766	Võ Thị Ngọc	Phượng	2/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN6	7.3	7.0	Đạt	
343	28218130469	Đinh Gia	Quân	11/30/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT11	V	V	Vắng thi	
344	28212404253	Lê Bá	Quân	7/24/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TBN11	6.7	5.3	Đạt	
345	27216100883	Phạm Đoàn Anh	Quân	8/26/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT4	5.0	5.0	Đạt	
346	28212701395	Phan Văn	Quân	5/22/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN10	4.7	5.0	Không Đạt	
347	28212504613	Trần Minh	Quân	4/30/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC10	7.3	6.5	Đạt	
348	28214634799	Võ Xuân	Quang	2/10/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31TBN10	5.3	5.0	Đạt	
349	28212303613	Nguyễn Minh	Quốc	7/1/2004	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31SHT6	8.3	9.8	Đạt	
350	28218141947	Nguyễn Nhật	Quốc	5/18/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN6	10.0	10.0	Đạt	
351	29214946038	Đoàn Nguyễn Văn	Quý	6/2/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CHT6	8.7	6.5	Đạt	
352	27212202843	Tôn Thất	Quý	10/19/2003	Huế	Nam	Kinh	31CSC6	6.0	3.3	Không Đạt	
353	28200402882	Lê Châu	Quyên	8/27/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC9	8.0	5.0	Đạt	
354	28208152250	Lê Thị Lệ	Quyên	9/16/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN6	4.7	4.0	Không Đạt	
355	28206506937	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	8/14/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN11	9.7	5.3	Đạt	
356	28204605298	Lê Thị Ngọc	Quỳnh	6/26/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC9	7.3	6.3	Đạt	
357	27207241193	Lê Thị Như	Quỳnh	3/27/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	30CSC5	5.7	9.3	Đạt	
358	29206548398	Ngô Thị Như	Quỳnh	9/2/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN7	7.3	5.3	Đạt	
359	28204901451	Phan Nguyễn Ngọc	Quỳnh	10/19/2004	Huế	Nữ	Kinh	31SHT6	1.0	5.5	Không Đạt	
360	29209323383	Trương Như	Quỳnh	11/12/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31SBN6	8.3	5.0	Đạt	
361	28218042132	Nguyễn Thanh	Rin	11/1/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC10	4.3	5.5	Không Đạt	
362	29212254589	Bùi Đông	San	9/16/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN4	5.7	4.0	Không Đạt	
363	28207100907	Phạm Thị	Son	12/14/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC1	5.7	5.3	Đạt	
364	27212233700	Trần Văn	Sơn	5/1/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	30TSC13	7.0	5.0	Đạt	
365	27202543823	Phan Thị Thu	Sương	7/15/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31THT10	7.0	3.5	Không Đạt	
366	28212451416	Đỗ Văn	Tài	1/3/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TBN10	4.3	3.0	Không Đạt	
367	28212301155	Huỳnh Tấn	Tài	1/30/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31CSC6	6.3	5.0	Đạt	
368	28208001232	Huỳnh Thị	Tài	9/28/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC6	7.3	6.0	Đạt	
369	28217706788	Nguyễn Minh	Tài	2/12/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31SYC5	7.3	4.1	Không Đạt	
370	27212238072	Trần Đức	Tài	1/1/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC6	6.0	5.8	Đạt	
371	27211334764	Trần Văn	Tài	2/7/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN2	3.7	1.3	Không Đạt	
372	28204136446	Nguyễn Nhân	Tâm	6/22/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN11	7.0	4.4	Không Đạt	
373	28209238485	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	1/6/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC10	8.0	9.5	Đạt	
374	28206502758	Trần Đặng Thị Khánh	Tâm	12/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC9	4.0	5.8	Không Đạt	
375	28204650785	Trần Lê Diễm	Tâm	6/11/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC9	7.3	6.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUỖ		
376	28207700427	Võ Thị Thanh Tâm	4/7/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC5	8.3	5.5	Đạt	
377	29206547209	Vũ Thị Thanh Tâm	8/23/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT8	6.7	5.3	Đạt	
378	28218006044	Phạm Minh Tây	6/13/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN6	V	V	Vắng thi	
379	28212705574	Phạm Hoàng Thân	8/17/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CBN6	7.0	8.5	Đạt	
380	28204301621	Phạm Thị Minh Thân	3/4/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	30TSC6	6.3	5.0	Đạt	
381	29214650949	Hoàng Đình Thắng	2/12/2002	Quảng Trị	Nam	Kinh	31THT11	V	V	Vắng thi	
382	28218002858	Trần Hữu Thắng	4/4/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC9	8.7	6.0	Đạt	
383	28212700445	Trần Văn Thắng	4/26/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT6	5.0	6.5	Đạt	
384	26211333999	Võ Đại Thắng	11/20/2002	Huế	Nam	Kinh	29SHT5	6.3	5.9	Đạt	
385	27203730787	Đoàn Thị Thanh	10/29/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TYC10	V	V	Vắng thi	
386	29206764830	Huỳnh Thị Thanh	3/8/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT8	10.0	6.0	Đạt	
387	29207154252	Lê Thị Hoài Thanh	5/11/2002	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CBN4	8.0	6.0	Đạt	
388	27212253018	Nguyễn Lê Diệu Thanh	5/2/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT10	9.0	5.0	Đạt	
389	28207100317	Nguyễn Phú Thanh	2/4/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TBN10	V	V	Vắng thi	
390	27203139503	Nguyễn Thị Đan Thanh	12/7/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SHT6	5.7	5.3	Đạt	
391	28211141086	Huỳnh Công Thành	8/14/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN6	3.7	3.8	Không Đạt	
392	28212704157	Triệu Minh Thành	5/6/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC9	7.7	6.0	Đạt	
393	28212702928	Võ Đình Thành	7/12/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN6	5.7	5.0	Đạt	
394	28208152323	Trần Thị Thu Thảo	9/13/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SHT6	V	V	Vắng thi	
395	29207342164	Đinh Thị Phương Thảo	12/16/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN4	8.3	8.3	Đạt	
396	28208053626	Dương Thị Minh Thảo	3/10/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31SSC5	4.7	5.0	Không Đạt	
397	28208005673	Hà Thanh Thảo	3/17/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC5	9.7	6.5	Đạt	
398	28204322977	Hồ Thị Thanh Thảo	3/7/2004	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31SSC2	8.0	5.8	Đạt	
399	26202428041	Lê Nguyên Thảo	1/15/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC8	5.7	5.5	Đạt	
400	28208005404	Nguyễn Nho Phương Thảo	1/30/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC10	9.3	8.0	Đạt	
401	29204543232	Nguyễn Phương Thảo	12/4/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT6	8.3	6.5	Đạt	
402	28208152867	Nguyễn Thị Thanh Thảo	12/8/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT6	8.7	5.0	Đạt	
403	26205339335	Nguyễn Thị Thanh Thảo	10/18/2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC9	6.0	5.5	Đạt	
404	28206204648	Nguyễn Thu Thảo	7/4/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN6	7.7	9.3	Đạt	
405	29206558750	Phan Thị Phương Thảo	1/14/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN5	4.3	5.0	Không Đạt	
406	27202833387	Trần Thị Yến Thảo	7/24/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	30CHT8	9.7	3.8	Không Đạt	
407	28208154549	Võ Thị Phương Thảo	10/27/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC9	6.3	5.5	Đạt	
408	28208030194	Nguyễn Thị Thêm	8/21/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT6	9.3	5.3	Đạt	
409	29219445166	Nguyễn Hoàn Thiện	6/9/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CYC6	V	V	Vắng thi	
410	27212201483	Nguyễn Hoàng Thiện	7/20/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	30TSC9	7.7	6.0	Đạt	
411	27215352341	Võ Ngọc Thiện	11/17/2003	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31TBN8	7.0	5.0	Đạt	
412	29218457241	Trịnh Quang Thịnh	12/30/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC4	7.7	4.0	Không Đạt	
413	26205341898	Nguyễn Ý Thơ	10/3/2002	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31TYC9	9.7	8.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUỖ		
414	28204602788	Nguyễn Thị Thọ	5/2/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC9	8.3	5.0	Đạt	
415	28214654145	Nguyễn Văn Thống	1/10/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	31CBN6	7.3	9.8	Đạt	
416	30206554749	Trịnh Thị Thiên Thu	12/2/2006	Kon Tum	Nữ	Kinh	31CHT6	7.7	5.0	Đạt	
417	28206500176	Bùi Đỗ Anh Thư	4/4/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN11	7.7	6.0	Đạt	
418	28208031328	Dương Thị Ngọc Thư	10/27/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC5	4.7	5.0	Không Đạt	
419	27212245501	Huỳnh Lâm Anh Thư	7/20/2003	Kon Tum	Nữ	Kinh	30THT17	5.3	5.3	Đạt	
420	28204602596	Lê Minh Thư	1/5/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30TBN13	4.7	8.3	Không Đạt	
421	28204942764	Lương Xuân Thư	1/22/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30TYC6	5.0	6.0	Đạt	
422	28205245615	Nguyễn Anh Thư	5/9/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN11	7.0	3.8	Không Đạt	
423	28208303439	Nguyễn Minh Thư	6/14/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31THT11	7.3	8.0	Đạt	
424	28207102307	Nguyễn Thị Anh Thư	8/13/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN6	6.3	5.0	Đạt	
425	27202141055	Nguyễn Thị Anh Thư	8/25/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC10	5.7	3.9	Không Đạt	
426	26215300513	Phan Như Thuần	9/2/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC6	9.0	7.5	Đạt	
427	28214602393	Phạm Đức Thuận	5/25/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31SHT6	5.7	5.8	Đạt	
428	28207105155	Phan Thị Thuận	9/22/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC6	7.3	6.0	Đạt	
429	28204652989	Lê Nguyễn Hoài Thương	4/1/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT8	6.7	5.0	Đạt	
430	29209424057	Nguyễn Thị Ngân Thương	11/11/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT8	8.3	5.0	Đạt	
431	28212346171	Nguyễn Văn Thương	3/26/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TBN10	8.7	10.0	Đạt	
432	28208352857	Đinh Phan Thanh Thúy	6/8/2004	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31THT11	9.7	8.3	Đạt	
433	27203121276	Nguyễn Thị Thu Thúy	10/15/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30THT12	7.7	4.0	Không Đạt	
434	28206204300	Phan Thanh Thúy	12/20/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SYC5	9.0	8.0	Đạt	
435	28203500663	Trần Thị Thúy	9/30/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC9	7.0	3.0	Không Đạt	
436	28202702251	Trần Thị Hồng Thúy	12/18/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT11	8.3	4.0	Không Đạt	
437	29203564806	Nguyễn Thị Kim Thùy	8/4/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN4	8.0	6.5	Đạt	
438	28204842296	Nguyễn Thị Xuân Thùy	1/20/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT6	8.3	8.0	Đạt	
439	29204649975	Vũ Thanh Thùy	6/22/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CSC6	10.0	9.5	Đạt	
440	29206665591	Nguyễn Thị Thủy	1/26/2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31THT9	6.3	4.3	Không Đạt	
441	28208151910	Nguyễn Thị Thu Thủy	5/16/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN6	9.0	8.8	Đạt	
442	27212246140	Phạm Thu Thủy	5/15/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CBN2	5.3	6.0	Đạt	
443	28216234199	Nguyễn Thị Anh Thy	11/5/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN4	8.0	5.8	Đạt	
444	28208321233	Bùi Thị Á Tiên	2/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT11	6.3	5.5	Đạt	
445	27206634901	Hứa Trần Thị Thúy Tiên	9/27/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT3	6.0	5.0	Đạt	
446	28209450238	Lê Kiều Cẩm Tiên	4/28/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC6	9.7	5.8	Đạt	
447	29203637302	Ngô Thị Kiều Tiên	5/11/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT11	8.3	9.0	Đạt	
448	28209336343	Nguyễn Thị Hà Tiên	8/6/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN11	8.3	6.5	Đạt	
449	28206546880	Nguyễn Thị Thủy Tiên	11/12/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT6	6.7	5.5	Đạt	
450	28214305684	Nguyễn Hoàng Tiên	10/9/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT6	6.3	8.0	Đạt	
451	28208052913	Hồ Thị Thanh Tiên	1/15/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN11	9.7	7.8	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
452	26205339346	Lê Thị Vi	Tính	7/30/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC9	9.0	5.5	Đạt
453	27212939270	Nguyễn Ngọc	Tính	5/18/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC6	5.3	4.3	Không Đạt
454	27213231525	Ngô Nguyễn	Toàn	8/28/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC10	9.7	9.0	Đạt
455	29206542083	Đoàn Thị Ngọc	Trà	1/10/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN7	9.0	5.5	Đạt
456	28206702059	Ngô Thị Diệu	Trâm	4/13/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC9	6.3	5.5	Đạt
457	28209404363	Ngô Thị Quế	Trâm	10/25/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CBN6	9.3	7.0	Đạt
458	28218050646	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	1/21/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN10	7.7	5.3	Đạt
459	28206501925	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	10/25/2004	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31TSC9	3.3	4.0	Không Đạt
460	28208036094	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	2/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC5	9.0	6.3	Đạt
461	28204401811	Nguyễn Thị Thủy	Trâm	8/3/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30THT15	8.0	3.3	Không Đạt
462	28204301443	Ông Thị Tổ	Trâm	6/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC10	9.7	8.0	Đạt
463	28204953870	Phạm Hoài Bảo	Trâm	8/19/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CHT6	7.7	5.0	Đạt
464	29208145757	Trần Thị Thủy	Trâm	12/4/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC10	7.3	5.0	Đạt
465	28208202034	Lê Nguyên Bảo	Trân	4/10/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC9	7.0	8.0	Đạt
466	28202700159	Lê Viết Huyền	Trân	2/6/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN10	9.7	6.0	Đạt
467	28206632294	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	11/11/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	30SHT3	6.3	6.0	Đạt
468	28204605659	Trần Lê Bội	Trân	11/18/2004	Huế	Nữ	Kinh	31CBN6	6.7	7.5	Đạt
469	28203630418	Đinh Thị Thu	Trang	9/5/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31SSC5	7.3	7.0	Đạt
470	28208150674	Hoàng Bùi Nguyên	Trang	1/1/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN6	5.0	6.3	Đạt
471	28208101109	Huỳnh Thị Thủy	Trang	7/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN11	6.3	5.3	Đạt
472	28206200590	Lương Huyền	Trang	10/18/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC5	6.3	5.0	Đạt
473	28207130716	Nguyễn Hoàng Thủy	Trang	11/25/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SYC5	9.0	6.0	Đạt
474	29206845415	Nguyễn Thị	Trang	10/7/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TBN8	8.7	5.0	Đạt
475	28207254606	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	10/25/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC9	5.3	5.0	Đạt
476	28206700165	Nguyễn Thị Thu	Trang	10/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT6	6.3	6.0	Đạt
477	29209443156	Nguyễn Thị Thu	Trang	1/25/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TBN11	6.7	4.5	Không Đạt
478	28204624785	Nguyễn Thị Thu	Trang	10/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC4	5.7	5.0	Đạt
479	27205245967	Nguyễn Thị Thủy	Trang	6/4/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC5	7.0	8.5	Đạt
480	27205201934	Vũ Thị Kiều	Trang	1/23/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC9	8.0	5.3	Đạt
481	28212735970	Đoàn Văn	Tráng	8/20/2003	Buôn Ma Thuột	Nam	Kinh	31CBN6	5.3	5.5	Đạt
482	27212203048	Đặng Ngọc Hữu	Trí	8/10/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	30SSC2	4.3	6.5	Không Đạt
483	28212301196	Đoàn Anh Nhật	Trí	8/3/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SYC5	5.0	7.5	Đạt
484	28212300756	Nguyễn Ngọc	Trí	10/3/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TSC9	6.0	5.0	Đạt
485	28218100393	Phạm Trung	Trí	1/2/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TBN11	6.7	5.0	Đạt
486	27212125683	Từ Quang	Trí	11/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT8	6.0	6.0	Đạt
487	27217038969	Đỗ Phan Phú	Trị	9/23/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	29CSC3	2.0	5.8	Không Đạt
488	29219324970	Nguyễn Khắc	Triệu	11/26/2005	Bình Dương	Nam	Kinh	31CYC6	5.7	5.3	Đạt
489	28206222896	Huỳnh Thị Việt	Trinh	10/1/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC9	9.7	8.0	Đạt

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
490	27202702632	Nguyễn Thị Trình	7/17/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	30THT17	7.0	3.3	Không Đạt	
491	28204337623	Trần Thị Hoài Trình	8/8/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT6	V	V	Vắng thi	
492	28208005206	Trương Thị Kim Trình	8/4/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC5	9.7	6.5	Đạt	
493	27207128614	Võ Thị Kiều Trình	10/24/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	29CYC3	V	V	Vắng thi	
494	28212701526	Huỳnh Thế Trình	9/15/2003	Phú Yên	Nam	Kinh	31THT11	7.7	6.0	Đạt	
495	27211340550	Phùng Đức Trọng	9/22/2003	Nam Định	Nam	Kinh	31SBN2	5.3	0.0	Không Đạt	
496	26205300629	Nguyễn Thị Ánh Trúc	4/29/2000	Nam Định	Nữ	Kinh	31THT11	9.0	5.5	Đạt	
497	28212448348	Nguyễn Chí Trung	11/8/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TBN10	9.3	8.5	Đạt	
498	28211105572	Nguyễn Thế Trung	10/21/2004	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31CHT6	9.7	9.5	Đạt	
499	28213653033	Lê Quang Trường	2/28/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SSC5	5.0	7.0	Đạt	
500	27211301915	Nguyễn Văn Trường	1/24/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT10	6.3	4.3	Không Đạt	
501	28218004225	Nguyễn Xuân Trường	3/20/2004	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31TSC10	9.3	5.5	Đạt	
502	28206503269	Hoàng Thị Cẩm Tú	6/30/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC10	3.3	2.5	Không Đạt	
503	26203222725	Nguyễn Thị Thanh Tú	4/29/2002	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	30THT11	V	-	Vắng thi	
504	27212142211	Phạm Cảnh Tú	2/5/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	30TBN13	5.3	3.8	Không Đạt	
505	28218136356	Đặng Tiến Tuấn	12/6/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SHT6	8.0	5.3	Đạt	
506	26211324271	Nguyễn Anh Tuấn	9/14/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	29SHT5	7.0	1.5	Không Đạt	
507	28218304750	Nguyễn Thành Tuấn	9/25/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31TBN10	5.7	5.0	Đạt	
508	27218138678	Phạm Anh Tuấn	10/9/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	30THT3	6.7	6.8	Đạt	
509	27211342720	Phạm Duy Tuấn	1/10/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	30TYC11	8.7	7.3	Đạt	
510	28214651141	Trần Hồ Anh Tuấn	8/15/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CHT6	7.0	7.0	Đạt	
511	28212703876	Hoàng Văn Tùng	3/28/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31CBN6	3.0	5.0	Không Đạt	
512	28206236563	Nguyễn Thị Minh Tuyền	6/16/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN10	7.3	5.3	Đạt	
513	30206554821	Phan Thị Thanh Tuyền	12/12/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT11	8.7	9.0	Đạt	
514	28206201218	Hoàng Thị Tổ Uyên	10/11/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC3	7.7	5.0	Đạt	
515	28208102867	Ngô Thị Tú Uyên	5/28/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN10	8.3	9.0	Đạt	
516	27207221532	Nguyễn Thị Thanh Uyên	4/20/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC1	4.3	5.0	Không Đạt	
517	28208100046	Nguyễn Tú Uyên	9/5/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC10	4.7	5.0	Không Đạt	
518	27204301673	Trịnh Thị Thảo Vân	2/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN6	5.3	3.5	Không Đạt	
519	28206203537	Nguyễn Lê Tường Vi	11/20/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC5	6.0	5.0	Đạt	
520	27202727016	Nguyễn Thị Tường Vi	3/2/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	30TSC2	5.0	5.3	Đạt	
521	28214651814	Võ Nguyễn Lâm Viên	9/19/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN3	5.3	3.8	Không Đạt	
522	27211224995	Đình Thanh Việt	2/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC10	V	V	Vắng thi	
523	29214627184	Đoàn Lê Bình Việt	3/15/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC10	10.0	7.5	Đạt	
524	27212240216	Nguyễn Hoàng Việt	8/11/2003	Phú Yên	Nam	Kinh	30CHT9	7.7	4.3	Không Đạt	
525	29212455422	Thái Hoàng Việt	3/7/2005	Quảng Trị	Nam	Kinh	31SYC5	8.7	9.0	Đạt	
526	28218000754	Võ Quốc Việt	2/10/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN10	V	V	Vắng thi	
527	28212449457	Hoàng Đình Vinh	6/7/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN10	4.3	4.0	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUỶ		
528	26212136279	Huỳnh Đức Vinh	2/24/2001	Đà Nẵng	Nam	Kinh	29TSC7	6.3	5.0	Đạt	
529	28212401168	Nguyễn Tấn Vinh	5/8/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC9	4.3	5.0	Không Đạt	
530	28212703522	Nguyễn Xuân Vinh	2/19/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TBN10	5.3	5.8	Đạt	
531	28212135697	Hoàng Dương Vũ	1/15/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31TYC10	7.3	3.3	Không Đạt	
532	28212306046	Huỳnh Anh Vũ	7/16/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31TYC10	8.0	6.5	Đạt	
533	28212703879	Lê Cảnh Vũ	5/15/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TSC9	6.7	5.3	Đạt	
534	28212705795	Nguyễn Long Vũ	6/29/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC9	6.0	6.5	Đạt	
535	26212130996	Nguyễn Phước Long Vũ	6/16/2002	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	29CHT3	6.3	5.5	Đạt	
536	28206603863	Nguyễn Hoàng Khánh Vy	10/19/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT4	8.7	5.3	Đạt	
537	28207103448	Nguyễn Lê Triệu Vy	5/31/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC6	6.0	3.0	Không Đạt	
538	28208006879	Nguyễn Thị Thảo Vy	9/10/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT11	5.7	6.0	Đạt	
539	27202241855	Nguyễn Tổng Tường Vy	11/28/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30CBN3	7.7	3.5	Không Đạt	
540	28206503622	Trần Lê Ngọc Vy	10/5/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC9	9.0	6.5	Đạt	
541	28216801245	Lê Công Nguyên Vỹ	4/26/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SYC5	V	V	Vắng thi	
542	28208035310	Nguyễn Thị Trà Xiêm	9/30/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TSC9	8.7	6.8	Đạt	
543	28208122880	Hồ Thị Thanh Xuân	12/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC9	7.7	5.5	Đạt	
544	28208006094	Trần Thị Như Ý	12/19/2004	Qui Nhơn	Nữ	Kinh	31CHT6	10.0	8.8	Đạt	
545	26203100558	Trịnh Hoài Như Ý	6/7/2002	Phú Yên	Nữ	Kinh	31THT6	6.0	3.8	Không Đạt	
546	28206721483	Phạm Thị Thanh Yên	5/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT6	7.0	5.0	Đạt	
547	28208251532	Bùi Hải Yến	5/18/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC9	8.0	5.0	Đạt	
548	28203524704	Nguyễn Thị Bích Yến	10/24/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC9	10.0	8.3	Đạt	